| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**K1 - HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 71/2025/QĐST - HNGĐ | *H, ngày 25 tháng 9 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 93/2025/TLST - HNGĐ ngày 05tháng 9 năm 2025 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Phan Văn T, sinh năm 1981.

**Bị đơn:** Chị Trần Thị D, sinh năm 1982.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Phan Trần Bích N, sinh ngày 22/12/2009.

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

**Người đại diện hợp pháp cho cháu N:** Anh Phan Văn T và chị Trần Thị D là bố, mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 107,110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2025.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phan Văn T và chị Trần Thị D.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phan Văn T và chị Trần Thị D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Phan Văn T và chị Trần Thị D đều xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Phan Văn K, sinh năm 2004 và cháu Phan Trần Bích N, sinh ngày 22/12/2009. Cháu K đã trưởng thành, giữa anh T, chị D và cháu K không có liên quan gì về tài chính nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu N đang ở với chị D. Anh chị thỏa thuận giao cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N với chị D số tiền là 3.000.000đồng/tháng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị D có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền anh T cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh T không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác:*Anh, chị đều tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn anh Phan Văn T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí anh T phải nộp là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đồng tại biên lai ký hiệu BLTU/25$^{E}$ số 0000927 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ án phí.

**3.**Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- VKSND k1 – Hưng Yên;
- THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q, tỉnh Hưng Yên.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Minh N**